

Số: 773 /BCB-TTYT

Liên Sơn Lắc, ngày 16 tháng 09 năm 2025

BẢN CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành
(Điều chỉnh bổ sung)**

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk.

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: Trung tâm Y tế Lắc

Số giấy phép hoạt động 000820/ĐL-GPHĐ; Cơ quan cấp: Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk.

Cấp ngày 31 tháng 07 năm 2025.

Địa chỉ: 02 Phạm Ngọc Thạch, xã Liên Sơn Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Nguyễn Tri Hào

Điện thoại liên hệ: 0903 580 171

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công bố điều chỉnh bổ sung Bản công bố số: 632/BCB-TTYT ngày 14/10/2024 của Trung tâm Y tế huyện Lắc, đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành: Bác sỹ Y khoa (đa khoa), Bác sỹ Y học cổ truyền, Bác sỹ Y học dự phòng, Bác sỹ chuyên khoa cơ bản (Ngoại khoa, Sản phụ khoa), Y sỹ đa khoa, Y sỹ Y học cổ truyền, Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật xét nghiệm Y học, Kỹ thuật hình ảnh Y học, Kỹ thuật Y.

2. Danh sách người hướng dẫn thực hành: 47 người (Phụ lục I kèm theo)

3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác (nếu có): Không

4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành: 110 người (Phụ lục II kèm theo)

5. Chi phí hướng dẫn thực hành: Không thu phí hướng dẫn thực hành

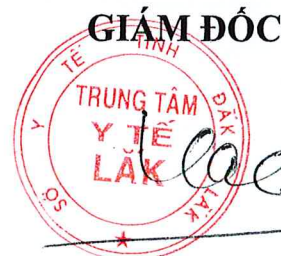
Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Bản công bố này thay thế cho Bản công bố số: 632/BCB-TTYT ngày 14/10/2024 của Trung tâm Y tế huyện Lắc.

Tài liệu gửi kèm theo Bản công bố: Bản chụp giấy phép hoạt động. Chương trình hướng dẫn thực hành để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban giám đốc (b/c).
- Lưu: VT, KHN-V-ĐD.



Nguyễn Tri Hào

SỞ Y TẾ ĐẮK LẮK
TRUNG TÂM Y TẾ LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC I
DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH
(Kèm theo Bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành
số 17/BCB-TTYT, ngày 16 tháng 09 năm 2025 của Trung tâm Y tế Lắc)

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Số chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Đối tượng hướng dẫn
Hướng dẫn thực hành Bác sĩ Y khoa, Bác sĩ Y học dự phòng, Y sĩ đa khoa						
1	Đinh Ngọc Sơn	BSCKI	003391/ ĐL-CCHN	22/01/2014	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa	
2	Trương Đức Cường	BSCKI	003400/ ĐL-CCHN	07/05/2020	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	
3	Nguyễn Thị Tâm	BSCKI	008144/ ĐL-CCHN	28/5/2018	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	
4	Đinh Thị Thuần	BSCKI	003392/ ĐL-CCHN	22/01/2014	Khám bệnh, chữa bệnh Nội tổng hợp	
5	Phạm Trọng Chính	BSĐK	0005279/ ĐL-CCHN	11/02/2015	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa	
6	H Rôza Ông	BSCKI	0005360/ ĐL-CCHN	06/3/2015	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	
7	H Dít Tơ	BSĐK	007469/ ĐL-CCHN	06/7/2017	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	
8	Phan Duy Lộc	BSĐK	008054/ ĐL-CCHN	17/4/2018	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	
9	Y Dleh Đăk Cắt	BSCKI	000129/ ĐL-CCHN	28/8/2012	Khám, chữa bệnh chuyên khoa phụ sản - KHHGD	
10	El Dir	BSCKI	000408/ ĐL-CCHN	04/10/2012	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên	

					khoa Ngoại	
11	Y Be Đăk Cắt	BSCKI	007467/ ĐL-CCHN	06/7/2017	Khám bệnh, chữa bệnh ngoại khoa	
12	Hoàng Thị Nhân	BSDK	009595/ ĐL-CCHN	07/5/2021	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	
13	Y Mer Du	BSDK	010064/ĐL-CCHN	26/6/2022	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	
14	Trịnh Duy Tân	BSDK	009881/ĐL-CCHN	06/01/2022	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	
Hướng dẫn thực hành Bác sĩ Y học cổ truyền, Y sĩ Y học cổ truyền						
1	Đàm Thị Hồng	BS YHCT	007333/ ĐL-CCHN	19/5/2017	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	
2	Mai Văn Bình	BSYHCT	008145/ ĐL-CCHN	25/5/2018	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	
Hướng dẫn thực hành Bác sỹ chuyên khoa cơ bản						
Sản – Phụ khoa						
1	Y Dleh Đăk Cắt	BSCKI	000129/ ĐL-CCHN	28/8/2012	Khám, chữa bệnh chuyên khoa phụ sản - KHHGD	
Ngoại khoa						
1	El Dir	BSCKI	000408/ ĐL-CCHN	04/10/2012	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	
Hướng dẫn thực hành Điều dưỡng						
1	Nguyễn Thị Thanh Hương	CNĐD	0006520/ ĐL-CCHN	06/6/2016	Thực hiện theo TT 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều	Đại học/Cao đẳng điều dưỡng

					dưỡng	
2	Tạ Thị Ái	CNĐĐ	003410/ ĐL-CCHN	31/5/2023	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Điều dưỡng quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Đại học/Cao đẳng điều dưỡng
3	Trần Văn Sử	CNĐĐ-GMHS	0006522/ ĐL-CCHN	06/6/2016	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Điều dưỡng quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Đại học/Cao đẳng điều dưỡng
4	Đỗ Thị Thùy Nguyên	CNĐĐ	0006521/ ĐL-CCHN	06/6/2016	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Điều dưỡng quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Đại học/Cao đẳng điều dưỡng
5	Trần Thị Hồng	CNĐĐ	0006154/ ĐL-CCHN	26/6/2023	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Điều dưỡng quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Đại học/Cao đẳng điều dưỡng
6	H Li Zơ Kuan	CNĐĐ	00961/ĐL-CCHN	15/5/2021	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Điều dưỡng quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Đại học/Cao đẳng điều dưỡng
7	H Trong Nấm	CNĐĐ	009615/ĐL-CCHN	15/5/2021	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Điều dưỡng quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Đại học/Cao đẳng điều dưỡng
8	Võ Thị Phương Dung	CĐĐĐ	0005382/ ĐL-CCHN	06/02/2023	Qui định tại quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng bộ nội vụ về việc	Cao đẳng điều dưỡng

					ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	
9	H Nguyên Bing	CNĐĐ	010681/ĐL-CCHN	26/6/2023	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Điều dưỡng quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT- BNV ngày 07/10/2015	Đại học/Cao đẳng điều dưỡng
10	Trần Thị Chín	CNĐĐ	003396/ĐL-CCHN	31/5/2023	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Điều dưỡng quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT- BNV ngày 07/10/2015	Đại học/Cao đẳng điều dưỡng
11	H Triều A Yễn	CĐĐĐ	008174/ĐL-CCHN	07/6/2018	Thực hiện theo TT 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	Cao đẳng điều dưỡng
12	Phạm Thị Thanh Tâm	CĐĐĐ	003294/ĐL-CCHN	5/1/2014	Quy định tại quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ	Cao đẳng điều dưỡng
13	Lý Thị Liễu	CNĐĐ	007492/ĐL-CCHN	19/7/2017	Thực hiện theo TT 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	Đại học/Cao đẳng điều dưỡng
14	Bùi Thị Hồng Anh	CNĐĐ	008388/ĐL-CCHN	02/10/2018	Thực hiện theo TT 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều	Đại học/Cao đẳng điều dưỡng

					dưỡng	
15	Nguyễn Thị Huyền	CĐĐD	007338/ ĐL-CCHN	19/5/2017	Thực hiện theo TT 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	Cao đẳng điều dưỡng
16	H Duyên Cil	CĐĐD	010549/ĐL-CCHN	26/4/2023	Thực hiện theo TT 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	Cao đẳng điều dưỡng
17	Nguyễn Thị Hòa	CNĐD	010611/ĐL-CCHN	31/5/2023	Thực hiện theo TT 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	Đại học/Cao đẳng điều dưỡng
18	Nguyễn Thị Thu Hà	CĐ ĐD	0006289/ ĐL-CCHN	21/3/2016	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Điều dưỡng quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT- BNV ngày 07/10/2015	Cao đẳng điều dưỡng
19	Phùng Thị Thủy	CNĐD	003405/ ĐL-CCHN	31/5/2023	Thực hiện theo TT 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	Đại học/Cao đẳng điều dưỡng
I. Hướng dẫn thực hành Hộ sinh						
1	Nguyễn Thị Khang	CN Phụ	003394/ ĐL-CCHN	22/1/2014	Quy định tại Thông tư số	Đại học/Cao

					đưỡng	
7	Võ Thị Thanh Huyền	CNĐĐ SPK	003420/ ĐL-CCHN	31/5/2023	Thực hiện theo TT 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	Đại học/Cao đẳng Hộ sinh
Hướng dẫn thực hành kỹ thuật xét nghiệm						
1	Trần Thị Lương	KTV TH	001331/ ĐL-GPHN	08/9/2025	Xét nghiệm Y học	Trung cấp xét nghiệm Y học
2	Bùi Trọng Loan	KTV TH	001330/ ĐL-GPHN	08/9/2025	Xét nghiệm Y học	Trung cấp xét nghiệm Y học
3	Dương Thế Tùng	KTV TH	001331/ ĐL-GPHN	08/9/2025	Xét nghiệm Y học	Trung cấp xét nghiệm Y học
Hướng dẫn thực hành kỹ thuật hình ảnh Y học						
1	Trần Quang Hào	CĐ XQ	003432/ ĐL-CCHN	22/01/2014	Kỹ thuật viên hình ảnh y học	Trung cấp Kỹ thuật viên hình ảnh y học
Hướng dẫn kỹ thuật Vật lý trị liệu và phục hồi chức năng						
1	Trịnh Đăng Hậu	Cao đẳng Kỹ thuật VLTL& PHCN	008707/ĐL-CCHN	31/05/2023	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp kỹ thuật Y	Cao đẳng kỹ thuật VLTL&PHCN

		sản			12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ y tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh	đăng Hộ sinh
2	Trần Thị Mơ	CNĐD SPK	003418/ ĐL-CCHN	31/5/2023	Thực hiện theo TT 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	Đại học/Cao đẳng Hộ sinh
3	Lê Thị Hà	CNĐD SPK	0034198/ ĐL-CCHN	26/6/2023	Thực hiện theo TT 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	Đại học/Cao đẳng Hộ sinh
4	Nguyễn Thị Thảo	CNĐD SPK	003422/ ĐL-CCHN	26/6/2023	Thực hiện theo TT 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	Đại học/Cao đẳng Hộ sinh
5	Nguyễn Thị Thúy	CNĐD SPK	003424/ ĐL-CCHN	31/5/2023	Thực hiện theo TT 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	Đại học/Cao đẳng Hộ sinh
6	H Sáng KMăn	CNĐD SPK	003417/ ĐL-CCHN	26/6/2023	Thực hiện theo TT 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều	Đại học/Cao đẳng Hộ sinh

PHỤ LỤC II

CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

(Kèm theo Bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành số 777/BCB-TTYT, ngày 16 tháng 09 năm 2025)

A. Đối tượng đăng ký:

1. Bác sỹ: Bác sỹ Y khoa (đa khoa), Bác sỹ Y học dự phòng, Bác sỹ YHCT, Bác sỹ chuyên khoa cơ bản:

Chức danh Bác sỹ (người có văn bằng Bác sỹ, bao gồm văn bằng tốt nghiệp, chứng chỉ thuộc lĩnh vực sức khỏe do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo công nhận trình độ bác sỹ)

Chức danh Bác sỹ chuyên khoa cơ bản (Bác sỹ đã được cấp giấy phép hành nghề theo quy định tại điểm a khoản 1 Nghị định 96/2023/NĐ-CP hoặc đã được cấp chứng chỉ hành nghề trước ngày 01/01/2024 và người có chứng chỉ chuyên khoa cơ bản quy định tại khoản 2 điều 128 Nghị định 96/2023/NĐ-CP).

2. Y sỹ (Y sỹ đa khoa, Y sỹ Y học cổ truyền):

Chức danh Y sỹ đa khoa (người có văn bằng cao đẳng Y sỹ đa khoa, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ lao động - Thương binh và xã hội công nhận tương đương văn bằng cao đẳng Y sỹ đa khoa)

Chức danh Y sỹ Y học cổ truyền (người có văn bằng cao đẳng y sỹ Y học cổ truyền hoặc cao đẳng Y học cổ truyền, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng cao đẳng y sỹ Y học cổ truyền hoặc cao đẳng Y học cổ truyền)

3. Điều dưỡng:

Điều dưỡng (người có văn bằng trung cấp hoặc cao đẳng điều dưỡng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ lao động - Thương binh và xã hội công nhận tương đương văn bằng trung cấp hoặc cao đẳng điều dưỡng)

Điều dưỡng (người có văn bằng cử nhân điều dưỡng, bao gồm cả văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ cử nhân điều dưỡng)

4. Hộ sinh:

Hộ sinh (người có văn bằng trung cấp hoặc cao đẳng hộ sinh, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ lao động - Thương binh và xã hội công nhận tương đương văn bằng trung cấp hoặc cao đẳng hộ sinh)

Hộ sinh (người có văn bằng cử nhân hộ sinh, bao gồm cả văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ cử nhân hộ sinh)

5. Kỹ thuật xét nghiệm Y học:

Kỹ thuật xét nghiệm Y học (người có văn bằng trung cấp hoặc cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm Y học, bao gồm cả văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng trung cấp hoặc cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm Y học)

Kỹ thuật xét nghiệm Y học (người có văn bằng cử nhân kỹ thuật xét nghiệm Y học, bao gồm cả văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ

trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo công nhận trình độ cử nhân kỹ thuật xét nghiệm Y học).

6. Kỹ thuật hình ảnh Y học:

Kỹ thuật hình ảnh Y học (người có văn bằng trung cấp hoặc cao đẳng kỹ thuật hình ảnh Y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng trung cấp hoặc cao đẳng kỹ thuật hình ảnh Y học)

Kỹ thuật hình ảnh Y học (người có văn bằng cử nhân kỹ thuật hình ảnh Y học, bao gồm cả văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ cử nhân kỹ thuật hình ảnh Y học)

7. Kỹ thuật vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng:

Chức danh Kỹ thuật viên Vật lý trị liệu – PHCN (người có văn bằng Kỹ thuật viên Vật lý trị liệu – PHCN do cơ sở giáo dục đào tạo cấp và được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ Kỹ thuật viên Vật lý trị liệu – PHCN).

B. Thời gian thực hành, chương trình hướng dẫn thực hành:

I. Đối tượng thực hành là Bác sỹ:

1. Bác sỹ Y khoa.

1.1. Thời gian thực hành: 12 tháng

1.2. Chương Trình thực hành

Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành	Nội dung thực hành
Khoa khám cấp cứu – HSTC&CD	04 tháng	Thực hành các kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh được quy định tại Phụ lục số V ban hành kèm theo TT 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Y tế
Khoa Ngoại TH - CSSKSS	04 tháng	
Khoa Nội TH – Nhi – Truyền nhiễm	04 tháng	

2. Bác sỹ Y học cổ truyền:

2.1. Thời gian thực hành: 12 tháng

2.2. Chương trình thực hành:

Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành	Nội dung thực hành
Khoa khám cấp cứu – HSTC&CD	03 tháng	Thực hành các kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh được quy định tại Phụ lục số VI ban hành kèm theo TT 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Y tế
Khoa YHCT-PHCN	09 tháng	

3. Bác sỹ Y học dự phòng:

3.1. Thời gian thực hành: 12 tháng

3.2. Chương trình thực hành:

Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành	Nội dung thực hành
Khoa khám cấp cứu – HSTC&CD	03 tháng	Thực hành các kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh được quy định tại Phụ lục số VII ban hành kèm theo TT 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Y tế
Khoa Ngoại TH - CSSKSS	03 tháng	
Khoa Nội TH – Nhi – Truyền nhiễm	06 tháng	

4. Bác sỹ chuyên khoa cơ bản:

4.1. Thời gian thực hành: 9 tháng

4.2. Chương trình thực hành:

Phạm vi hành nghề chuyên khoa cơ bản	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành	Ghi chú
Ngoại khoa	Khoa Ngoại TH - CSSKSS	9 tháng	
Sản – Phụ khoa	Khoa Ngoại TH - CSSKSS	9 tháng	

5. Tập huấn kiến thức chung:

Ngoài thực hành các kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh, người thực hành được tham gia các buổi tập huấn sau (thời lượng giảng dạy mỗi nội dung: 2-4 tiết):

- Quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh;
- Quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề;
- An toàn người bệnh;
- Kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh;

II. Đối tượng thực hành đối với chức danh Y sĩ bao gồm: Y sỹ đa khoa, Y sỹ Y học cổ truyền:

1. Thời gian thực hành: 9 tháng

2. Chương Trình thực hành:

Đối tượng thực hành	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành	Nội dung thực hành
Y sỹ đa khoa	Khoa khám cấp cứu – HSTC&CD	03 tháng	Thực hành các kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh được quy định tại Phụ lục số X ban hành kèm theo TT 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Y tế
	Khoa Ngoại TH - CSSKSS	03 tháng	
	Khoa Nội TH – Nhi – Truyền nhiễm	03 tháng	
Y Sĩ Y học cổ truyền	Khoa khám cấp cứu – HSTC&CD	03 tháng	Thực hành các kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh được quy định tại Phụ lục số XI ban hành kèm theo TT 32/2023/TT-BYT ngày
	Khoa YHCT - PHCN	06 tháng	

III. Thời gian thực hành đối với Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật Y.

1. Bao gồm các chức danh: Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật Y (Kỹ thuật xét nghiệm Y học, Kỹ thuật hình ảnh Y học, Kỹ thuật Phục hồi chức năng – vật lý trị liệu).

2. Tổng thời gian thực hành: 06 tháng

2.1. Đối với điều dưỡng: học viên thực hành tại các khoa sau:

STT	Khoa thực hành	Thời gian thực hành
1	Khoa khám cấp cứu – HSTC&CD	01 tháng
2	Khoa Ngoại TH - CSSKSS	02 tháng
3	Khoa Nội TH – Nhi – Truyền nhiễm	03 tháng

2.2. Đối với Hộ sinh: học viên thực hành tại các khoa sau

STT	Khoa thực hành	Thời gian thực hành
1	Khoa khám cấp cứu – HSTC&CD	01 tháng
2	Khoa Ngoại TH - CSSKSS	05 tháng

2.3. Đối với kỹ thuật Y: học viên thực hành tại các khoa sau

Kỹ thuật Y	Khoa thực hành	Thời gian thực hành
Kỹ thuật xét nghiệm Y học	Khoa khám cấp cứu – HSTC&CD	01 tháng
	Khoa Dược – xét nghiệm &CDHA	05 tháng
Kỹ thuật hình ảnh Y học	Khoa khám cấp cứu – HSTC&CD	01 tháng
	Khoa Dược – xét nghiệm &CDHA	05 tháng
Kỹ thuật Phục hồi chức năng – vật lý trị liệu	Khoa khám cấp cứu – HSTC&CD	01 tháng
	Khoa YHCT-PHCN	05 tháng

3. Tập huấn kiến thức chung:

Ngoài thực hành các kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh, người thực hành được tham gia các buổi tập huấn sau (thời lượng giảng dạy mỗi nội dung: 2-4 tiết):

- Quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh;
- Quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề;
- An toàn người bệnh;
- Kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh;